

# **LUẬT HÌNH SỰ**

# Nội dung

## I- Một số vấn đề chung về Luật Hình sự

- 1- Định nghĩa Luật Hình sự
- 2- Đối tượng điều chỉnh
- 3- Phương pháp điều chỉnh
- 4- Nguồn của Luật Hình sự

## II- Một số chế định cơ bản của Luật Hình sự

- 5- Tội phạm
- 6- Hình phạt

## III- Một số tội cụ thể trong Bộ luật Hình sự

# I- Một số vấn đề chung về Luật Hình sự

# 1. Định nghĩa

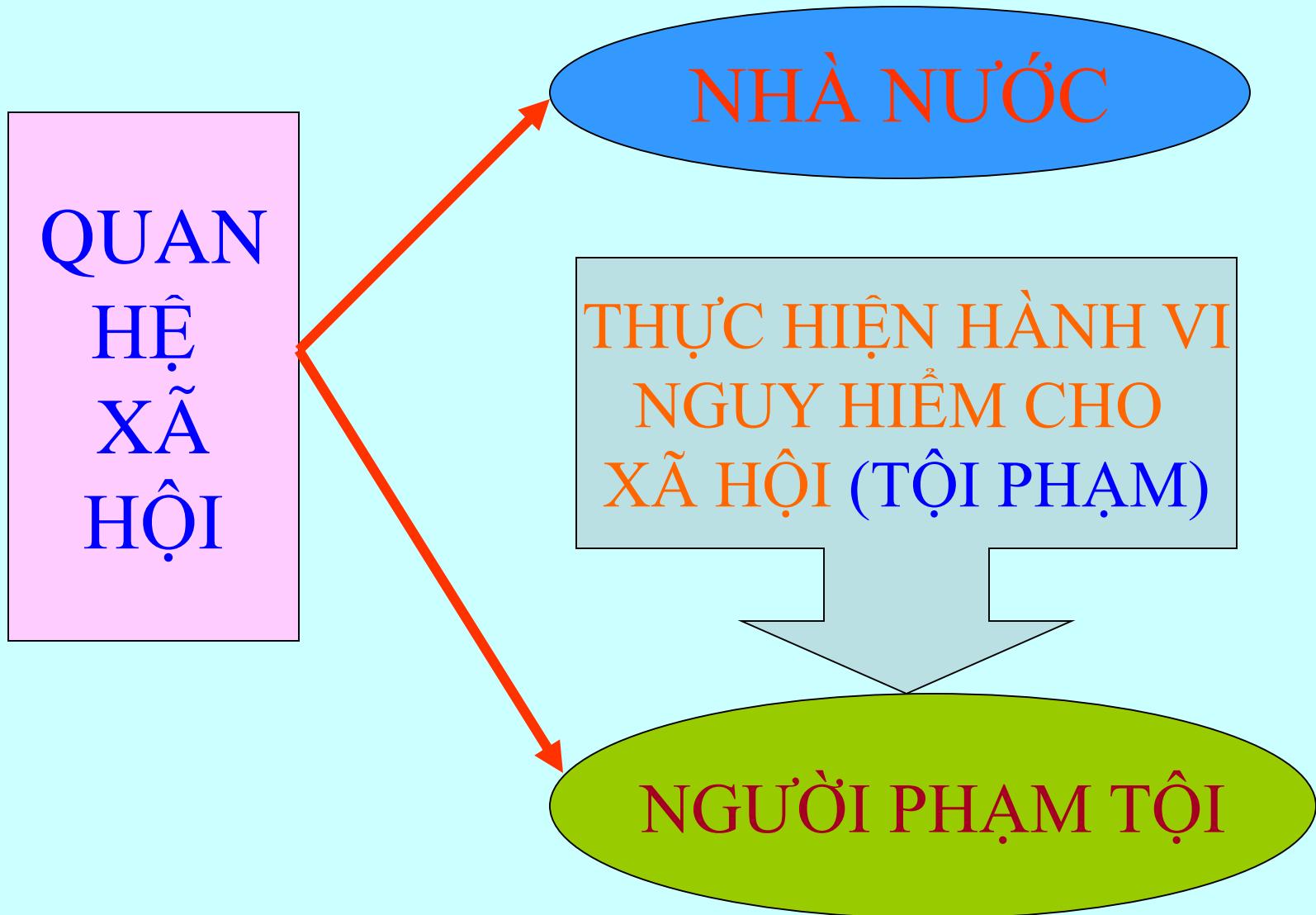
LUẬT  
HÌNH  
SỰ

Là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam

Tổng hợp những QPPL xác định những HV nguy hiểm cho XH bị coi là tội phạm

Quy định hình phạt áp dụng cho những tội phạm ấy

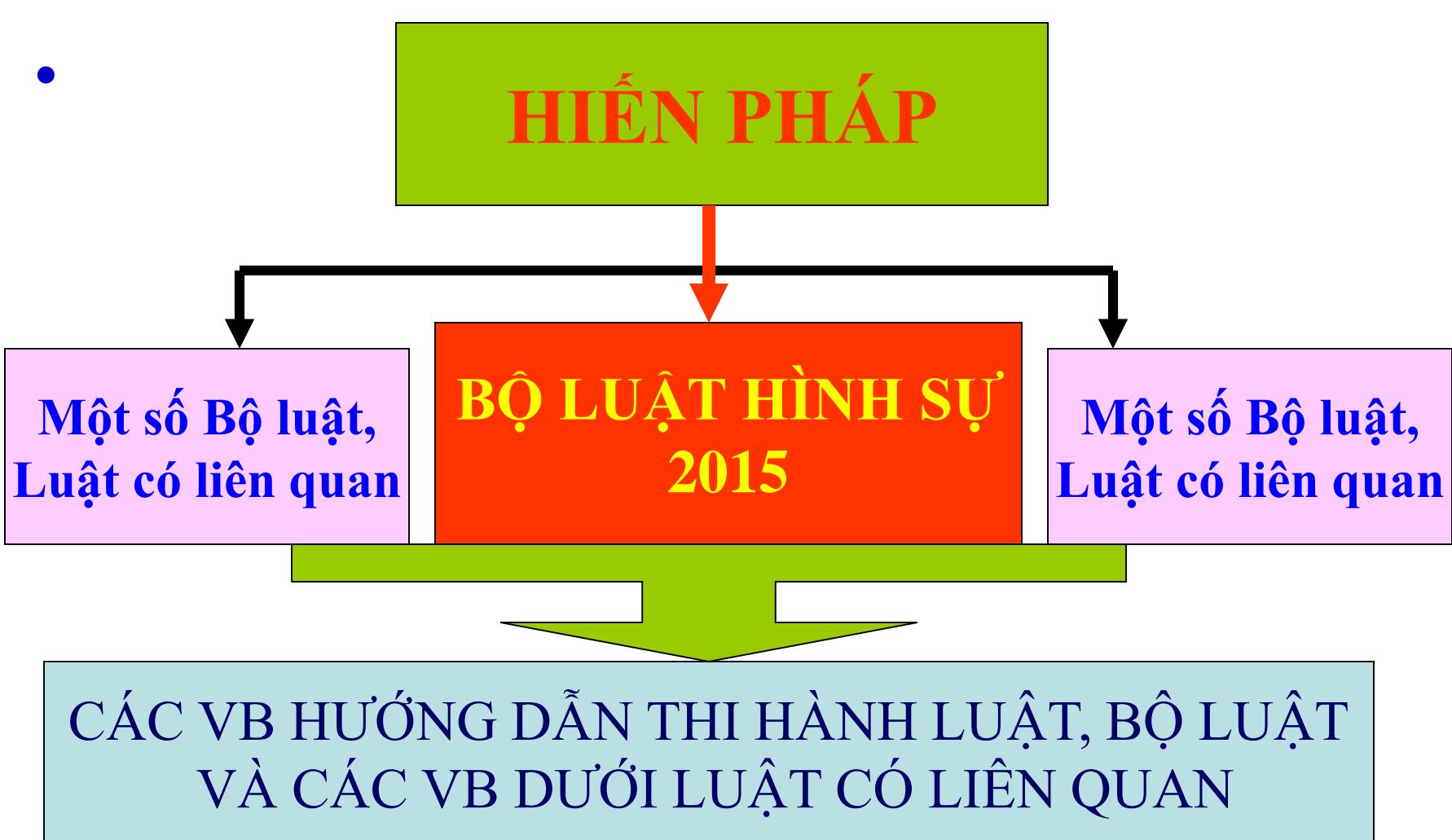
## 2- Đối tượng điều chỉnh của Luật Hình sự



### 3. Phương pháp điều chỉnh của LHS

☞ Phương pháp quyền uy, mệnh lệnh  
(Thể hiện quyền lực nhà nước mang tính  
tối cao nhất).

## 4- Nguồn của Luật Hình sự



## II- Một số chế định cơ bản của Luật Hình sự

# 1- Tội phạm

## 1.1- Định nghĩa:

 “ Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội **được quy định trong Bộ luật Hình sự** do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm đến lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa” (Điều 8 Bộ luật Hình sự)

-  Tội phạm là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý hình sự thực hiện, có lỗi, trái pháp luật hình sự và bị xử lý bằng hình phạt.

# Các dấu hiệu (đặc điểm) của tội phạm (Bộ luật Hình sự 2015)

- Tội phạm

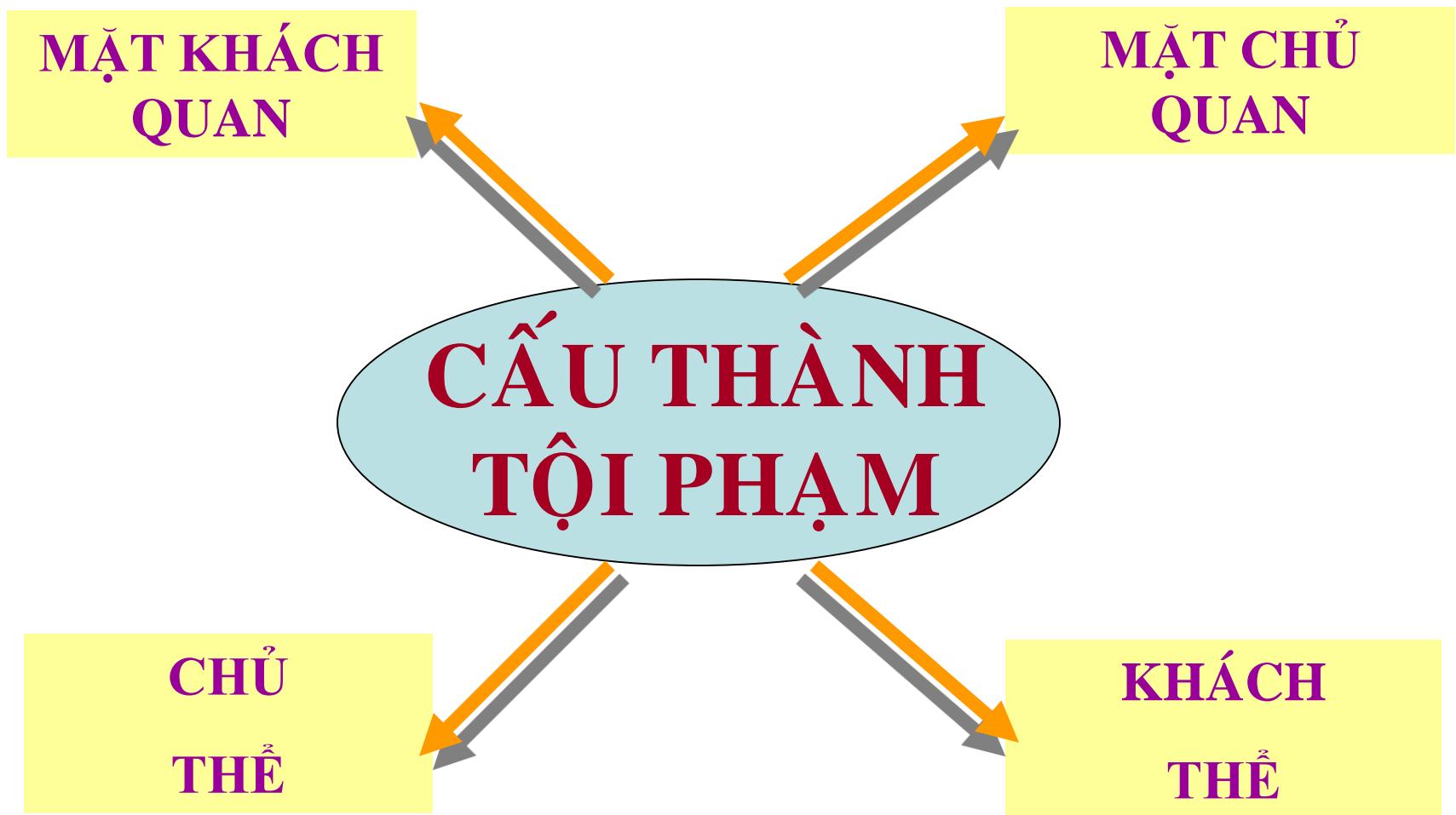
Tính nguy hiểm cho xã hội

Tính trái pháp luật hình sự

Tính có lỗi

Tính phải chịu hình phạt

## 1.2- Các yếu tố cấu thành tội phạm



### 1.3- Phân loại tội phạm

| Các loại<br>tội phạm        | Tiêu chí xác định             |  |
|-----------------------------|-------------------------------|--|
|                             | Mức độ nguy<br>hại đối với XH | Mức cao nhất của<br>khung hình phạt              |
| TP ít nghiêm trọng          | Không lớn                     | Đến 3 năm  |
| TP nghiêm trọng             | Lớn                           | Đến 7 năm tù                                     |
| TP rất nghiêm trọng         | Rất lớn                       | Đến 15 năm tù                                    |
| TP đặc biệt nghiêm<br>trọng | Đặc biệt lớn                  | - Trên 15 năm tù<br>- Tù chung thân<br>- Tử hình |

## 1.4- Hệ thống các tội phạm

- Các tội xâm phạm an ninh quốc gia
- Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người
- Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân
- Các tội xâm phạm sở hữu
- Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình
- Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế
- Các tội phạm về môi trường
- Các tội phạm về ma túy
- Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trận tự công cộng
- Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính
- Các tội phạm về chức vụ
- Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp
- Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân
- Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh

## 2- Hình phạt

Khái niệm: Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất được quy định trong bộ luật hình sự do tòa án quyết định nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội.

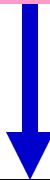
## Các loại hình phạt

Hình phạt chính

Hình phạt bổ sung

- 1- Cảnh cáo
- 2- Cải tạo không giam giữ
- 3- Phạt tiền
- 4- Trục xuất (Đối với người nước ngoài)
- 5- Tù có thời hạn
- 6- Tù chung thân
- 7- T tử hình

## Hình phạt bổ sung



- 1- Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc cấm làm công việc nhất định
- 2- Cấm cư trú
- 3- Quản chế
- 4- Tước một số quyền công dân
- 5- Tịch thu tài sản
- 6- Phạt tiền
- 7- Trục xuất

# Một số tội phạm cụ thể

## Phân tích trên các dấu hiệu sau

1- Cơ sở pháp lý:

2- Các yếu tố cấu thành:

+ MẶT KHÁCH QUAN

+ MẶT CHỦ QUAN

+ CHỦ THẺ

+ KHÁCH THẺ

3- Hình phạt:

+ HÌNH PHẠT CHÍNH

+ HÌNH PHẠT BỔ SUNG

# **Ngành luật tố tụng hình sự**

☞ **Đối tượng điều chỉnh** của Luật tố tụng hình sự là những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

☞ **Phương pháp điều chỉnh** gồm: phương pháp quyền uy và phương pháp phối hợp - chế ước.

## **Những nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự :**

- ❖- **Suy đoán vô tội**
- ❖ - Bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng hình sự.
  - ❖ - Bảo đảm quyền tham gia tố tụng hình sự của các tổ chức xã hội và công dân.
  - ❖ - Bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật.
  - ❖ - Không ai có thể bị coi là có tội nếu chưa có bản án kết tội đã có hiệu lực của tòa án.
  - ❖ - Xác định sự thật của vụ án.
  - ❖ - Đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo.
  - ❖ - Bảo đảm quyền bình đẳng trước tòa án.
  - ❖ - Thẩm phán và hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.
  - ❖ - Sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

## Giải quyết một vụ án hình sự:

- ❖ **Khởi tố vụ án hình sự**
- ❖ **Điều tra vụ án hình sự**
- ❖ **Khởi tố bị can**
- ❖ **Hỏi cung bị can**
- ❖ **Bắt người**
- ❖ **Tạm giữ**
- ❖ **Tạm giam**
- ❖ **Cấm đi khỏi nơi cư trú**
- ❖ **Bảo lãnh**
- ❖ **Đặt tiền hoặc tài sản có**

**giá trị để bảo đảm**

- ❖ **Quyết định truy tố**
- ❖ **Xét xử sơ thẩm**
- ❖ **Xét xử phúc thẩm**
- ❖ **Thi hành bản án, quyết**

**định của Tòa án**

# Người tham gia tố tụng

1. Bị can; Bị cáo.
2. Bị hại.
3. Nguyên đơn dân sự; Bị đơn dân sự.
4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.
5. Người làm chứng; Người chứng kiến.
6. Người bào chữa.
7. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự.

## Bị can; Bị cáo.

=> Bị can là người hoặc pháp nhân bị khởi tố về hình sự

=> Bị cáo là người hoặc pháp nhân đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử

## Bị hại.

=> Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra

## Nguyên đơn dân sự; Bị đơn dân sự

- ⇒ Nguyên đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại
- ⇒ Bị đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức mà pháp luật quy định phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

=> Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự

## Người làm chứng

⇒ Người làm chứng là người biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm chứng

**Lưu ý:** Những người sau đây không được làm chứng:

- a) Người bào chữa của người bị buộc tội;
- b) Người do nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà không có khả năng nhận thức được những tình tiết liên quan nguồn tin về tội phạm, về vụ án hoặc không có khả năng khai báo đúng đắn.

# Người chứng kiến

⇒ Người chứng kiến là người được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu chứng kiến việc tiến hành hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này.

**Lưu ý:** Những người sau đây không được làm người chứng kiến:

- a) Người thân thích của người bị buộc tội, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;
- b) Người do nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà không có khả năng nhận thức đúng sự việc;
- c) Người dưới 18 tuổi;
- d) Có lý do khác cho thấy người đó không khách quan.

## Người bào chữa

=> Người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa.

=> Người bào chữa có thể là:

- a) Luật sư;
- b) Người đại diện của người bị buộc tội;
- c) Bào chữa viên nhân dân => K3 Đ 72 BLTTHS
- d) Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

## Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự

⇒ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là người được bị hại, đương sự nhờ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

=> Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thể là:

- a) Luật sư;
- b) Người đại diện của người bị buộc tội;
- c) Bào chữa viên nhân dân => K3 Đ 72 BLTTHS
- d) Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

# Bài tập (Nhận định Đ/S; Vì sao?)

1. Người chứng kiến là người biết về tình tiết của vụ án và được cơ quan có thẩm quyền triệu tập để lấy lời khai?
2. Kể từ khi có quyết định khởi tố bị can, người hoặc pháp nhân được gọi là bị cáo?
3. Người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất không được tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng?
4. Người thân thích của bị can, bị cáo thì không được tham gia với tư cách là người làm chứng trong vụ án đó?

## Bài tập (Nhận định Đ/S; Vì sao?)

5. Người bào chữa có quyền đề nghị thay đổi Điều tra viên, người giám định, người phiên dịch?
6. Người bào chữa được quyền sử dụng điện thoại ghi âm, ghi hình trong khi Điều tra viên hỏi cung bị can?
7. Người thân thích của bị can, bị cáo được tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa?
8. Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, quyết định?
9. Cháu T (8 tuổi) nhìn thấy toàn bộ diễn biến vụ trộm cắp tài sản. Vậy cháu T có thể tham gia với tư cách là người làm chứng?

## Bài tập (Nhận định Đ/S; Vì sao?)

10. Cháu T (8 tuổi) nhìn thấy toàn bộ diễn biến vụ trộm cắp tài sản. Vậy cháu T có thể tham gia với tư cách là người chứng kiến?
11. Người làm chứng là người biết về tình tiết của vụ án?
12. Người chứng kiến là người biết về tình tiết của vụ án?
13. Người bào chữa cho người bị buộc tội phải là Luật sư?

## Đáp án

1. Người chứng kiến là người biết về tình tiết của vụ án và được cơ quan có thẩm quyền triệu tập để lấy lời khai?

=> Sai. Đ 67 BLTTHS. Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu chứng kiến việc tiến hành hoạt động tố tụng=> đảm bảo vô tư, khách quan.

## Đáp án

2. Kể từ khi có quyết định khởi tố bị can, người hoặc pháp nhân được gọi là bị cáo?

=> Sai. Đ 60 BLTTHS

3. Người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất không được tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng?

=> Sai. Đ66 BLTTHS => chỉ khi nào những nhược điểm đó khiến họ không khả năng nhận thức những tình tiết liên quan nguồn tin về tội phạm, về vụ án hoặc không có khả năng khai báo đúng đắn.

## Đáp án

4. Người thân thích của bị can, bị cáo thì không được tham gia với tư cách là người làm chứng trong vụ án đó?

=> Sai. Đ66 BLTTHS. Luật không quy định trường hợp người thân thích của bị can, bị cáo thì không được tham gia với tư cách là người làm chứng.

## Đáp án

5. Người bào chữa có quyền đề nghị thay đổi Điều tra viên, người giám định, người phiên dịch?  
⇒ Đúng. Điểm e, K1, Đ73 BLTTHS

6. Người bào chữa được quyền sử dụng điện thoại ghi âm, ghi hình trong khi Điều tra viên hỏi cung bị can?  
=> Sai. K6, Đ183 BLTTHS. Người ghi âm, ghi hình là Điều tra viên

## Đáp án

7. Người thân thích của bị can, bị cáo được tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa?

⇒ Đúng. Điểm b, K2, Đ72 BLTTHS. Nếu họ có kiến thức pháp luật, có khả năng bào chữa

8. Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, quyết định?

⇒ Sai. Điểm 1, K2, Đ63 và điểm 1, K2, Đ64 BLTTHS

## Đáp án

9. Cháu T (8 tuổi) nhìn thấy toàn bộ diễn biến vụ trộm cắp tài sản. Vậy cháu T có thể tham gia với tư cách là người làm chứng?

=> Đúng. K2Đ 66 BLTTHS. Tuy nhiên, theo K3, Đ15 TT LT số 01/2011/TTLT của VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH thì người làm chứng dưới 16 tuổi phải có người giám hộ của người làm chứng.

## Đáp án

10. Cháu T (8 tuổi) nhìn thấy toàn bộ diễn biến vụ trộm cắp tài sản. Vậy cháu T có thể tham gia với tư cách là người chứng kiến?

=> Sai. K2 Đ67. Phải đủ 18 tuổi

11. Người làm chứng là người biết về tình tiết của vụ án?

=> Đúng. K1,Đ66 BLTTHS. Biết về các tình tiết của vụ án

## Đáp án

12. Người chứng kiến là người biết về tình tiết của vụ án?

=> Sai. Đ 67 BLTTHS. Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu chứng kiến việc tiến hành hoạt động tố tụng=> Không cần biết về các tình tiết vụ án.

13. Người bào chữa cho người bị buộc tội phải là Luật sư?

=> Sai. K2 Đ72 BLTTHS

# Nhận định Đúng/Sai. Giải thích.

1. Đối tượng điều chỉnh của luật hình sự là các quan hệ pháp luật hình sự?
2. Phương pháp điều chỉnh của luật hình sự là phương pháp quyền uy?
3. Tội phạm gồm 3 đặc điểm: tính nguy hiểm, tính có lỗi và tính trái pháp luật hình sự?
4. Cơ sở xác định loại tội phạm là dựa trên khung hình phạt?
5. Bộ luật hình sự chỉ có hiệu lực đối với hành vi phạm tội xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam?

1. Đ. Đối tượng điều chỉnh của luật hình sự là các quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước và người phạm tội khi người này thực hiện tội phạm
2. Đ. Phương pháp quyền uy là phương pháp sử dụng quyền lực Nhà nước trong việc điều chỉnh quan hệ pháp luật hình sự
3. S. 4 đặc điểm: tính nguy hiểm, tính có lỗi và tính trái pháp luật hình sự và tính chịu hình phạt
4. Đ.Cơ sở xác định loại tội phạm là dựa trên khung hình phạt: có 4 loại tội phạm: ít, nghiêm, rất, đặc biệt nghiêm trọng.
5. S. Đạo luật hình sự có hiệu lực đối với hành vi phạm tội xảy ra trên và ngoài lãnh thổ Việt Nam?

# Nhận định Đúng/Sai. Giải thích.

1. Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự
2. Bộ luật hình sự chỉ có hiệu lực đối với hành vi phạm tội xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam?
3. Phân loại tội phạm căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội?
4. Đối với một tội phạm cụ thể Tòa án chỉ có thể tuyên một hình phạt chính và một hình phạt bổ sung?
5. Đối tượng điều chỉnh của luật hình sự là các quan hệ pháp luật hình sự?